

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-6-2022
V/v tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.

2. Bà Trần Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, về tranh chấp: “*Yêu cầu ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-ST ngày 27-5-2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HPT ngày 13-6-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ 04, ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Võ Biên T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 04, ấp K, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(*Bà D có đơn xin vắng mặt; ông T vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện C tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu, bà D và ông T sống hạnh phúc, lo làm ăn nhưng sau đó đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Ông T thường xuyên nhậu nhẹt, rồi về nhà gây gổ, đánh vợ con. Tôi nhận thấy mâu thuẫn giữa

chúng tôi ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D và ông T sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông Võ Biên T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị D yêu cầu được ly hôn với ông Võ Biên T.

Về con chung: Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T có 03 người con chung là Võ Biên G, sinh ngày 22/12/2007; cháu Võ Mạnh T, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 20/01/2017.

Bà Trần Thị D có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Biên G, Võ Mạnh T và cháu Võ Gia B. Bà Trần Thị D không yêu cầu ông Võ Biên T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các văn bản làm việc tại Toà án bị đơn ông Võ Biên T trình bày:

Sau khi tìm hiểu nhau được một thời gian thì ông T và bà D mới đi đến hôn nhân. Ông T và bà D đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi kết hôn xong thì cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc, sống hạnh phúc đến năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau, bà D làm việc gì cũng không bàn bạc và thảo luận với chồng, tự ý quyết định mọi vấn đề mà không hỏi ý kiến của chồng, coi thường chồng và xung đột trong mọi chuyện nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau.

Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị D và ông Võ Biên T có 03 người con chung là Võ Biên G, sinh ngày 22/12/2007; cháu Võ Mạnh T, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 20/01/2017.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông T, xét thấy giữa vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn nhưng ông T không đồng ý ly hôn với bà D vì ông T còn tình cảm với bà D và vì thương con.

Về con chung: Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T có 03 người con chung là Võ Biên G, sinh ngày 22/12/2007; cháu Võ Mạnh T, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 20/01/2017.

Ông Võ Biên T đồng ý cho bà Trần Thị D được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Biên G, Võ Mạnh T và cháu Võ Gia B. Ông Võ Biên T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà D không yêu cầu.

Về tài sản chung, về nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội D vụ án bà D và ông T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà D yêu cầu được ly hôn với ông T nên Tòa án cần xử chấp nhận

yêu cầu của bà D. Về con chung Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T có 03 người con chung là Võ Biên G, sinh ngày 22/12/2007; cháu Võ Mạnh T, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 20/01/2017. Bà Trần Thị D có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Biên G, Võ Mạnh T và cháu Võ Gia B. Bà Trần Thị D không yêu cầu ông Võ Biên T phải cấp dưỡng nuôi con chung và ông T đồng ý nên cần xử chấp nhận theo nguyện vọng của các bên. Về tài sản chung và nợ chung bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà D, ông T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà D yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Võ Biên T là thị trấn Ngã Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Võ Biên T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà D là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ngã Giao, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Thời gian đầu, bà D và ông T sống hạnh phúc, lo làm ăn nhưng sau đó đến khoảng năm 2017 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai vợ chồng không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau, bất đồng trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau. Ông T thường xuyên nhậu nhẹt, rồi về nhà gây gổ, đánh vợ con. Bà D nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà D và ông T sống ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Võ Biên T. Còn theo ông T thì nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, bà D làm việc không bàn bạc với ông T. Nay nhận thấy ông T còn tình cảm với bà D và vì thương con còn nhỏ nên ông T không đồng ý ly hôn với bà D. Như vậy giữa bà D và ông T có mâu thuẫn là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị D được ly hôn với ông Võ Biên T.

[3] *Về con chung*: Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T có 03 người con chung là Võ Biên G, sinh ngày 22/12/2007; cháu Võ Mạnh T, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 20/01/2017. Bà Trần Thị D có nguyện vọng được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Võ Biên G, Võ Mạnh T và cháu Võ Gia B. Bà Trần Thị D không yêu cầu ông Võ Biên T phải cấp dưỡng nuôi con chung và ông T đồng ý nên cần xử chấp nhận theo nguyện vọng của các bên.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà D, ông T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị D được ly hôn với ông Võ Biên T.

Về quan hệ con chung: Bà Trần Thị D và ông Võ Biên T có 03 người con chung là cháu Võ Biên G, sinh ngày 22/12/2007; cháu Võ Mạnh T, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 20/01/2017.

Xử cho bà Trần Thị D được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Biên G, sinh ngày 22/12/2007; cháu Võ Mạnh T, sinh ngày 11/6/2013 và cháu Võ Gia B, sinh ngày 20/01/2017.

Bà Trần Thị D không yêu cầu ông T cấp dưỡng để bà D nuôi con chung.

Ông Võ Biên T được quyền thăm nom con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con hoặc yêu cầu người không trực tiếp nuôi dưỡng con phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D, ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà D, ông T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Trần Thị D nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà D đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số: 0007858 ngày 15-4-2022, bà D đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28-6-2022), đương sự có quyền kháng cáo; đối với bà D, ông T vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày

nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- UBND thị trấn Ngãi Giao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan